

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Cao Duệ (giai đoạn 2), xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Gia Lộc

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 978/STNMT-CCBVMT ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Cao Duệ (Giai đoạn 2), xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 436/TTr-TNMT ngày 13 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Cao Duệ (giai đoạn 2), xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc (sau đây gọi là Dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Gia Lộc (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Gia Lộc;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Gia Lộc;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (7b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Cao Duệ
(giai đoạn 2, xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc của Ban Quản lý dự án đầu tư
xây dựng huyện Gia Lộc

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Cao Duệ (giai đoạn 2), xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc.

- Địa điểm thực hiện: Xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Gia Lộc.

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án

- Diện tích thực hiện dự án: 46.739m² thuộc địa phận xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, bao gồm: Đất ở mới (13.500,2m²); đất công cộng (3.063,4m²); đất tín ngưỡng (87,0m²); đất cây xanh (4.896,8m²); đất hạ tầng kỹ thuật (2.146,1m²); đất giao thông (23.045,5m²).

- Dự án gồm 123 lô nhà ở liền kề, 09 lô biệt thự; các lô đất nhà liền kề phân lô từ LK01-1 đến LK07-20, các lô đất biệt thự phân lô từ BT01-1 đến BT01-9.

- Quy mô dân số: khoảng 528 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình của Dự án

- Xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm: hoạt động san nền, xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước thải, hệ thống thoát nước mưa, cây xanh cảnh quan.

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường gồm: Hệ thống xử lý nước thải.

1.3.2. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng.

- Hoạt động san nền, đào đất, thi công các hạng mục của Dự án và lắp đặt máy móc thiết bị.

- Hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng phục vụ Dự án.

- Hoạt động vận chuyển chất thải ra khỏi phạm vi công trường.

- Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công.

- Hoạt động của công nhân trên công trường.

- Hoạt động của dân cư trong khu vực dự án.
- Hoạt động vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật (HTKT).

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Tác động đến khu dân cư hai bên đường vận chuyển, khu dân cư lân cận; hoạt động sản xuất nông nghiệp; chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước khoảng 30.372,2 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động thu dọn sinh khối thực vật; bóc lớp đất phủ trên bề mặt diện tích đất trồng lúa; nạo vét bùn hữu cơ từ ao, ruộng; san lấp mặt bằng; thi công xây dựng các hạng mục công trình; lắp đặt máy móc, thiết bị; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, phế thải; hoạt động của cán bộ công nhân thi công; nước mưa chảy tràn.

- Trong giai đoạn vận hành: Hoạt động sinh hoạt của người dân sinh sống tại dự án, hoạt động vận hành của hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động vệ sinh của công nhân khoảng 2,4 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅), các chất dinh dưỡng (NO₃⁻, PO₄³⁻) và các vi sinh vật.

- Nước thải từ hoạt động rửa xe ra vào công trường xây dựng khoảng 2m³/ngày. Thành phần chủ yếu là đất, cát và dầu mỡ.

- Nước thải phát sinh từ quá trình trộn vữa; rửa dụng cụ, thiết bị trong quá trình thi công xây dựng phát sinh không nhiều. Thành phần trong nước thải thi công là đất, cát xây dựng thuộc loại ít độc hại, dễ lắng đọng trên tuyến thoát nước thi công tạm thời.

c) Giai đoạn vận hành:

Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình: 90,47 m³/ngày. Thành phần chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅), các chất dinh dưỡng (NO₃⁻, PO₄³⁻) và các vi sinh vật.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Bụi, khí thải từ hoạt động thi công san nền; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng; từ hoạt động của

các máy móc thi công; từ hoạt động bóc dỡ nguyên, vật liệu; từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình.

b) Giai đoạn vận hành

Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án, từ quá trình xây dựng nhà cửa và từ quá trình đun nấu của người dân trong dự án.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn từ quá trình thu dọn mặt bằng: Sinh khối thực vật phát sinh khoảng 1.500m³.

- Chất thải rắn là lớp đất bóc hữu cơ bề mặt đất trồng lúa khoảng 8.638m³, bùn nạo vét từ ao và mương hiện trạng khoảng 1.573m³.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên đơn vị thi công với lượng phát sinh khoảng 15 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy, túi nilon, đồ hộp, thực phẩm thừa,...

- Chất thải rắn từ phát sinh từ quá trình thi công xây dựng khoảng 373,75 tấn trong toàn bộ quá trình thi công. Thành phần chủ yếu: bê tông, gạch vỡ, sắt, thép vụn,...

c) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu dân cư khoảng 475,2 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy, túi nilon, đồ hộp, thực phẩm thừa,...

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động vệ sinh khuôn viên sân đường nội bộ khoảng 47,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn là đất đá nguyên vật liệu rơi vãi từ quá trình vận chuyển có khối lượng không đáng kể.

- Chất thải rắn là bùn thải từ hoạt động nạo vét, vệ sinh thu gom, tiêu thoát nước khoảng 9,6m³/năm.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng, khối lượng khoảng 627,6 kg/năm. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dầu mỡ, vỏ hộp đựng sơn, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu mỡ vớt bỏ từ bể lắng nước rửa xe.

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sinh hoạt của người dân: bóng đèn huỳnh quang thải, pin, ắc quy chì thải, linh kiện điện tử hỏng,... Khối lượng phát sinh khoảng 0,12 kg/ngày. Ngoài ra còn có CTNH từ hoạt động bảo

dưỡng đường điện (trạm biến áp, chiếu sáng), chăm sóc cây xanh, khối lượng phát sinh khoảng 10 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị thi công (xe tải, máy xúc, hàn, cắt,...).

c) Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện giao thông, vận chuyển, máy móc thiết bị của hộ gia đình, hệ thống xử lý nước thải.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- *Nước thải sinh hoạt*: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động tạm thời có bể chứa chất thải (mỗi nhà vệ sinh có dung tích bể chứa chất thải khoảng 01 m³) tại khu vực lán trại và công trường. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút chất thải mang đi xử lý.

- *Nước thải thi công*:

+ *Nước thải rửa xe*: thu gom bằng bể lắng 3 ngăn kích thước 2×1×1m đặt ngầm dưới cầu rửa xe, nước thải sau lắng tại ngăn thứ 3 sẽ tự chảy vào hệ thống thoát nước chung, định kỳ vớt bỏ dầu mỡ nổi trên bề mặt bể và thu dọn đất cát lắng đáy bể.

+ *Nước thải thi công xây dựng (vệ sinh dụng cụ, trộn vữa)*: thu gom về hố ga kích thước 1m×1m×1m để lắng đọng đất, cát,... trước khi thải ra ngoài môi trường.

- *Nước mưa chảy tràn*: Bố trí đường thu gom nước mưa xung quanh công trường và các hố lắng nước mưa tạm thời kích thước 1m×1m×1m tại công trường để thu gom và lắng đọng đất, cát trong nước mưa trước khi thải ra ngoài môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- *Nước thải của các hộ dân* được thu gom xử lý bằng bể tự hoại đặt ngầm tại các công trình sau đó thu gom vào hệ thống cống dẫn HDPE D300, D400 bố trí tại các đường kỹ thuật chảy về hệ thống xử lý nước thải công suất 100m³/ngày đêm nằm trong khu HTKT của dự án, sau đó thoát theo đường ống thu gom ra mương xây hoàn trả B1200.

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sau xử lý sơ bộ
 → Bể thu gom (thu gom, tách rác, tách dầu mỡ) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí
 → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương hoàn trả B1.200 phía Đông Bắc dự án.
- Vị trí xả nước thải: 01 điểm xả thải vào mương hoàn trả B1200 phía Đông Bắc dự án.
- Phương thức xả thải: Tự chảy.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, giá trị C_{max} tương ứng $K=1,0$.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Vận chuyển đúng tải trọng xe, phủ bạt kín thùng xe, không chở quá tải trọng quy định.
- Bố trí công nhân vệ sinh thu dọn đất, cát, chất thải,... rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển khi xảy ra sự cố.
- Lắp dựng hàng rào quây tôn cao từ 2-3m xung quanh khu vực thi công để cách ly, chống bụi.
- Không tập kết quá nhiều nguyên, vật liệu tại khu vực thi công khi chưa có nhu cầu sử dụng đến.
- Bố trí cầu rửa xe khu vực cổng ra vào công trường để rửa sạch bánh xe, gầm xe trước khi ra khỏi công trường.
- Phun nước tưới đường vận chuyển để chống bụi với tần suất tối thiểu 2 lần/ngày.

b) Giai đoạn vận hành

- Thực hiện trồng và chăm sóc cây xanh theo đúng mật độ quy hoạch.
- Tiến hành phun nước tưới ẩm tuyến đường vào những ngày thời tiết hanh khô, nắng nóng.
- Các hộ dân chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí trong quá trình thi công xây dựng nhà ở theo quy định đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.
- Bố trí các nắp đậy hố ga, hệ thống thu gom, thoát nước thải, nước mưa.
- Đối với mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải:
 - + Hệ thống xử lý nước thải đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường là 10 m, trong khoảng cách an toàn môi trường được trồng cây xanh cách ly.
 - + Khí thải (mùi) phát sinh từ bể thu gom, điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D110 nhờ quạt hút có công suất 1.800m³/h vào hệ thống hấp thụ bằng dung dịch NaOH để xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) trước khi xả ra môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn là sinh khối thực vật: một phần được người dân thu hoạch, một phần được thu gom, vận chuyển mang đi xử lý bởi đơn vị có chức năng.

- Bùn, đất hữu cơ được tận dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án, nếu còn thừa được cho người dân để trồng cây.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng rác dung tích khoảng 60 lít đặt tại khu vực lán trại để thu gom tạm chứa trong ngày. Hợp đồng với đơn vị chức năng theo tần suất 1-2 ngày/lần đến thu gom, vận chuyển chất thải đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn từ quá trình thi công xây dựng: thực hiện phân loại, đối với chất thải rắn có thể tái chế, tái sử dụng (vỏ bao, sắt, thép thừa...) có thể tái sử dụng hoặc bán lại cho các đơn vị tái chế, còn lại được tập kết gần công ra vào, phủ bạt che chắn, khi số lượng đủ lớn, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để mang đi xử lý theo quy định.

c) Giai đoạn vận hành

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ dân: Các hộ dân thực hiện phân loại tại nguồn, tự thu gom rác sau đó đợi xe của đơn vị vệ sinh môi trường địa phương tới thu gom. Rác thải được thu gom và chuyển đi trong ngày.

- Đối với sinh khối thực vật, chất thải từ khu vực công cộng được thu gom bằng các thùng dung tích 60-100 lít đặt tại các trục đường. Hàng ngày đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển mang đi xử lý.

- Đối với bùn thải từ hoạt động nạo vét, vệ sinh hệ thống thu gom, tiêu thoát nước: được thực hiện bởi đơn vị có chức năng.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Trang bị các thùng chứa CTNH ở các khu vực thi công để thu gom và lưu giữ chất thải theo quy định.

- Mỗi loại CTNH được thu gom, lưu trữ, phân loại vào mỗi thùng chứa riêng, bên ngoài thùng dán nhãn CTNH theo đúng quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển chất thải mang đi xử lý.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với các hộ gia đình: Tuyên truyền phổ biến người dân phân loại tại nguồn, sau đó tập kết để đơn vị có chức năng thu gom mang đi xử lý.

- Đối với hoạt động trồng và chăm sóc cây xanh: Được đơn vị chăm sóc cây xanh trực tiếp thu gom, xử lý.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với CTNH.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Lựa chọn đơn vị thi công có thiết bị và phương tiện thi công cơ giới hiện đại có kỹ thuật cao để vận chuyển vật liệu và thi công công trình.

- Kiểm tra mức ồn của thiết bị, nếu mức ồn lớn hơn giới hạn cho phép thì lắp các thiết bị giảm âm.

- Sử dụng các thiết bị, máy móc thi công được đăng kiểm đạt yêu cầu, không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Không sử dụng đồng thời nhiều máy móc thiết bị có tiếng ồn lớn.

- Không thi công vào thời gian nghỉ ngơi của người dân.

- Quy định áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giai đoạn vận hành

- Trồng và chăm sóc cây xanh theo đúng quy hoạch được duyệt.

- Xây dựng quy chế hoạt động của khu dân cư; tuyên truyền, hướng dẫn người dân hạn chế các hoạt động phát sinh tiếng ồn lớn vào các giờ cao điểm và thời gian nghỉ ngơi.

- Quy định áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Sự cố cháy nổ: Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng chống cháy nổ cho đơn vị thi công. Kiểm tra mức độ tin cậy của các thiết bị an toàn điện và có biện pháp thay thế kịp thời. Xây dựng và niêm yết các nội quy lao động, hướng dẫn cụ thể về vận hành, an toàn cho máy móc, thiết bị. Bố trí khu vực tập kết phương tiện, nhiên liệu, vật liệu dễ cháy nổ thành các khu riêng biệt. Tập huấn đầy đủ cho công nhân của đơn vị thi công các yêu cầu về phòng chống cháy nổ.

- Sự cố an toàn lao động, an toàn giao thông: Trang bị đầy đủ các dụng cụ

bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân thi công, lắp dựng hàng rào tôn chắc chắn cao 2-3m; đối với công nhân thi công phải được huấn luyện về an toàn lao động, an toàn giao thông.

- Sự cố ngập úng: Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước tạm thời xung quanh diện tích dự án. Không tập kết quá nhiều nguyên, vật liệu chưa sử dụng tại công trường. Che chắn phủ kín bãi tập kết để tránh nguyên, vật liệu cuốn theo nước mưa. Thường xuyên nạo vét tuyến mương xung quanh.

b) Giai đoạn vận hành

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải:

+ Biện pháp phòng ngừa: Bố trí cán bộ có trình độ chuyên môn trực tiếp vận hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của các thiết bị xử lý môi trường. Đầu tư dây chuyền công nghệ tiên tiến, xử lý hiệu quả; máy móc thiết bị hiện đại. Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp. Hệ thống xử lý nước thải được vận hành liên tục. Bố trí các thiết bị dự phòng thay thế kịp thời khi hệ thống gặp sự cố.

+ Biện pháp ứng phó: Khi phát hiện sự cố của hệ thống xử lý nước thải, hệ thống van xả nước thải sẽ đóng lại và dừng việc xả nước thải ra ngoài môi trường, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời tại các bể trong hệ thống để tiến hành khắc phục, sửa chữa. Sau khi sửa chữa và khắc phục xong, nước thải từ các bể lưu chứa được bơm lại bể gom để tiếp tục quy trình xử lý. Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa các bể trong hệ thống thì chủ dự án phải thuê đơn vị có chức năng hút nước thải mang đi xử lý trong thời gian khắc phục.

- Sự cố cháy nổ: Tuyên truyền giáo dục về các biện pháp phòng chống và ứng cứu sự cố dân cư. Trang bị hệ thống trụ cứu hỏa dọc đường giao thông nội bộ để cấp chữa cháy trong trường hợp xảy ra cháy. Xây dựng nội quy PCCC chung cho toàn bộ điểm dân cư.

- Sự cố ngập úng: Thường xuyên kiểm tra tình trạng của hệ thống tiêu thoát nước. Định kỳ 06 tháng/lần tiến hành nạo vét bùn thải tại các cống thoát nước và hố ga thu nước.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Tác động do chiếm dụng đất và di dân tái định cư: Phối hợp với các đơn vị có liên quan cùng với chính quyền địa phương đưa ra phương án bồi thường, hỗ trợ cho người dân theo đúng quy định của pháp luật.

b) Giai đoạn vận hành: Không có.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Giám sát môi trường không khí:

+ Vị trí quan trắc: 04 điểm (01 điểm tại khu vực công ra vào của công trường và 01 điểm khu vực đang thi công xây dựng; 01 điểm tại KDC Cao Duệ giai đoạn 1 và 01 điểm KDC Cao Duệ cũ)

+ Thông số quan trắc: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, CO, NO₂, SO₂.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn hoặc các tiêu chuẩn thay thế tương ứng.

+ Tần suất: 01 lần trong giai đoạn thi công xây dựng.

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

+ Tần suất giám sát: Thường xuyên.

+ Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

+ Nội dung giám sát: Khối lượng, thành phần, danh mục của chất thải rắn sinh hoạt, xây dựng, mã CTNH.

+ Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2. Giai đoạn vận hành

Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Nội dung giám sát: Tổng khối lượng và thành phần các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, CTNH (danh mục, mã CTNH) phát sinh; phương thức thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án, chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tại các khu vực triển khai thi công theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

- Lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng.

- Chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật đề phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực bãi thải, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện công tác đền bù thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành Dự án do sụt lún và các tuyến đường vận chuyển bị hư hỏng./.